

**Bản án số: 89/2017/HSST
Ngày: 20/12/2017**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ L, TỈNH BÌNH THUẬN**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Hoa Nga

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Đức Hôn - Nghề nghiệp: Cán bộ hưu trí
2. Bà Vũ Thị Minh Huệ - Nghề nghiệp: Cán bộ hưu trí

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Mai Thị Thanh - Cán bộ Tòa án nhân dân thị xã L, tỉnh Bình Thuận.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã L, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa: Ông Mai Văn Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 12 năm 2017, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã L, xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 88/2017/HSST ngày 20 tháng 10 năm 2017 đối với bị cáo:

ĐỖ VĂN L (tên gọi khác: P) - Sinh năm: 1989, tại Bình Thuận.

Nơi cư trú: Khu phố M, thị trấn P, huyện T, tỉnh Bình Thuận.

Dân tộc: Kinh Quốc tịch: Việt Nam Tôn giáo: Không

Nghề nghiệp: Lao động biển Trình độ học vấn: 02/12

Cha: Đỗ Văn X, sinh năm 1945

Mẹ: Nguyễn Thị G, sinh năm 1951

Hiện cùng trú tại Khu phố M, thị trấn P, huyện T, tỉnh Bình Thuận.

Vợ, con: Không.

Tiền án:

+ Ngày 23/12/2011, bị TAND huyện T xử phạt 03 năm 06 tháng tù giam về tội “Tàng trữ, mua bán trái phép chất ma túy” (theo bản án số 108/2011/HSST). Ngày 08/8/2014, chấp hành xong hình phạt tù.

+ Ngày 02/12/2015, bị TAND huyện T xử phạt 15 tháng tù về tội “Cướp giật tài sản” (theo bản án số 125/2015/HSST). Ngày 01/12/2016, chấp hành xong hình phạt tù.

Tiền sự: Không.

Hoạt động nhân thân: Ngày 15/9/2017 bị TAND Thành Phố P xử phạt 02 năm 06 tháng tù giam về tội “Trộm cắp tài sản” (theo bản án số 127/2017/HSST).

Bị cáo hiện đang chấp hành án tại trại giam T - Thị trấn T, huyện H, Bình Thuận.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa

*** Người bị hại: Trần Thị T**, sinh năm: 1962.

Nơi cư trú: Khu phố 04, phường T, thị xã L, tỉnh Bình Thuận.

Bà T có mặt tại phiên tòa.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

Trịnh Văn T, sinh năm: 1968.

Nơi cư trú: Phường B, quận T, TP.HCM.

Chỗ ở: Phường P, TP. P, tỉnh Bình Thuận (ông T có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG CỦA VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Đỗ Văn L (sn 1989), có hộ khẩu tại huyện T, năm 2017 vào thị xã L làm biển. Chiều ngày 30/4/2017, L đi bộ từ cảng cá L lên phường T để đón xe về nhà. Khoảng 19 giờ, khi đi đến gần ngã tư Q thì L phát hiện nhà số 346 đường T thuộc Khu phố 4, phường T (của bà Trần Thị T, sn 1962) không có người ở nhà trông coi nên nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. L đi vòng ra phía sau nhà thấy một cánh cửa gỗ đã gài chốt bên trong nên lấy một chiếc kéo có sẵn ở gần đó cạy chốt cửa. Khi cạy được cửa và đột nhập vào trong nhà, L lục lọi trong phòng ngủ thì thấy có 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Sam sung và một số tờ đôla Mỹ (USD), L lấy bỏ vào túi quần. Tiếp đó, L dắt chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA (Wave) biển số 86 H2 – 7548 của bà T đi ra ngoài bằng lối cửa vào ban đầu. L khởi động xe mô tô rồi điều khiển chạy về hướng thành phố P. Khi đến Bệnh viện đa khoa tỉnh Bình Thuận, L thuê võng ngủ lại qua đêm tại đây. Khoảng 08 giờ ngày 01/5/2017, L đến tiệm cầm đồ G (do anh Trịnh Văn T, sinh năm 1968 làm chủ) để bán tài sản chiếm đoạt được. Lúc đầu, L chỉ hỏi anh T để bán chiếc điện thoại Sam sung, anh T đồng ý mua với giá 100.000 đồng. Tiếp đó, L nói muốn bán chiếc xe mô tô trên với giá 1.000.000 đồng, hiện đã cầm cố giấy đăng ký, nếu anh T đồng ý mua thì L đi chuộc lại. Tin lời của L và thấy giá rẻ nên anh T đồng ý mua chiếc xe mô tô. Các tài sản này L đều nói là của bản thân và gia đình. Riêng số tiền 11 USD thì anh T không mua nên L đem bán cho một tiệm vàng (không nhớ tên, địa chỉ) được 220.000 đồng. Toàn bộ số tiền có được, L đã mua ma túy sử dụng và tiêu xài hết.

Sau khi nhận được tin báo, Cơ quan điều tra TX L đã tiến hành khám nghiệm hiện trường, thu giữ được một số đồ vật có dấu vân tay nghi vấn là của đối tượng. Tại bản kết luận giám định số 353 ngày 08/6/2017 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Thuận, xác định dấu vân tay thu giữ tại hiện trường và dấu vân

tay của Đỗ Văn L, sinh năm 1989, trú tại khu phố M, thị trấn P, huyện Tuy Phong là một.

Làm việc với Cơ quan điều tra, L đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như trên. Cơ quan điều tra đã thu giữ được xe mô tô biển số 86 H2 – 7548 và chiếc điện thoại Sam sung do anh Trịnh Xuân T giao nộp, riêng số tiền USD không thu hồi được.

Theo bản kết luận định giá tài sản số 57 ngày 12/7/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thị xã L, kết luận: Giá trị còn lại chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA biển số 86 H2 – 7548 là 3.500.000 đồng, giá trị còn lại của chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Sam sung là 50.000 đồng. Đối với số tiền 11 USD, Chi nhánh ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn thị xã L xác định tỷ giá quy đổi ngày 30/4/2017 là 1 USD = 22.675 đồng. Như vậy, tổng giá trị tài sản bị cáo Đỗ Văn L chiếm đoạt của bà Trần Thị T là **3.799.425 đồng**.

Về vật chứng vụ án và dân sự: Cơ quan điều tra đã trả lại xe mô tô nhãn hiệu HONDA biển số 86 H2 – 7548, điện thoại di động nhãn hiệu Sam Sung và tất cả đồ vật thu giữ khi khám nghiệm hiện trường cho bà T. Về yêu cầu dân sự, bà T không yêu cầu nhận lại 11 USD, anh Trịnh Văn T cũng không yêu cầu bị cáo L hoàn trả số tiền 1.100.000 đồng đã mua tài sản.

Tại bản cáo trạng số: 84/QĐ-VKS ngày 17/10/2017 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã L truy tố bị cáo Đỗ Văn L, về tội “Trộm cắp tài sản” theo Điểm c Khoản 2 Điều 138 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã L vẫn giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Đỗ Văn L và đề nghị Hội đồng xét xử; Tuyên bố bị cáo Đỗ Văn L, phạm tội: "Trộm cắp tài sản".

Áp dụng: Điểm c Khoản 2 Điều 138; Điểm p Khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 51 Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Phạt bị cáo Đỗ Văn L, mức án từ 30 đến 36 tháng tù, tổng hợp hình phạt với bản án ngày 15/9/2017 của Tòa án nhân dân thành phố P, buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung của hai bản án.

Áp dụng điểm b khoản 1 điều 41 Bộ luật hình sự buộc bị cáo L nộp sung quỹ nhà nước số tiền 1.320.000đ .

Bị cáo xác định cáo trạng truy tố không oan sai nên đồng ý lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát, bị cáo không tranh luận gì, bị cáo xin xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Tại Tòa, bị cáo Đỗ Văn L thừa nhận hành vi phạm tội đúng như cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân thị xã L truy tố. Xét, lời khai của bị cáo tại Tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, đối chiếu với những tài liệu, chứng cứ

khác có tại hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở để khẳng định: Khoảng 19 giờ ngày 30/4/2017, Đỗ Văn L đã lén lút vào nhà của bà Trần Thị T tại đường Thống Nhất thuộc khu phố 4, phường T, thị xã L, Bình Thuận để lấy trộm tài sản, tài sản chiếm đoạt là 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Sam Sung và 11 tờ Đô là Mỹ (USD), 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA (Wave) biển số 86 H2 – 7548 của bà Trần Thị T. Giá trị các tài sản do L trộm cắp được xác định là 3.799.425 đồng.

Cáo trạng truy tố đối với bị cáo với tội danh và khung hình phạt như đã viện dẫn là có căn cứ, phù hợp pháp luật.

Đánh giá về tính chất mức độ hành vi của bị cáo nhận thấy: Bị cáo có sức khỏe, có đầy đủ nhận thức, đã được giáo dục cải tạo nhiều năm, bị cáo ý thức được về việc luật pháp bảo vệ quyền sở hữu tài sản của mọi người trong xã hội nhưng với bản chất lười lao động, bị cáo không sửa đổi bản thân, chỉ muốn tiêu xài, ăn chơi lêu lổng nên đã trộm cắp tài sản của người khác, bất chấp pháp luật. Xét bị cáo vì động cơ tư lợi đã cố ý thực hiện hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác, xâm hại quan hệ sở hữu về tài sản của công dân, gây mất trật tự trị an cho xã hội, cần thiết phải xử lý thật nghiêm, nhằm có thời gian và điều kiện giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt.

Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt đối với bị cáo Đỗ Văn L, Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo tình tiết sau:

Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại Tòa, bị cáo có thái độ khai báo thành khẩn, đã tỏ ra ăn năn hối cải với lỗi lầm của mình, bị cáo có trình độ văn hóa thấp, nhận thức có phần hạn chế; Tài sản đã được thu hồi kịp thời để trả lại cho người bị hại. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các Điểm p Khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự.

Về tình tiết định khung hình phạt: Bị cáo Đỗ Văn L có 02 tiền án đều lỗi cố ý, chưa được xóa án tích, trong đó bản án gần nhất số 125/2015/HSST ngày 02/12/2015 của TAND huyện T đã áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “tái phạm” theo điểm g khoản 1 Điều 48 BLHS, nay bị cáo L tiếp tục phạm tội mới do cố ý. Vì vậy, lần phạm tội này của bị cáo L thuộc trường hợp “tái phạm nguy hiểm” theo điểm b khoản 2 Điều 49 BLHS, đây cũng là tình tiết định khung hình phạt quy định tại điểm c khoản 2 Điều 138 BLHS.

Về tổng hợp hình phạt: Do bị cáo Đỗ Văn L vừa bị TAND Thành Phố P xử phạt 02 năm 06 tháng tù giam về tội “Trộm cắp tài sản” theo bản án số 127/2017/HSST ngày 15/9/2017 (Bản án đã có hiệu lực pháp luật) nên cần xem xét tổng hợp hình phạt theo Điều 51 Bộ luật hình sự.

Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Người bị hại bà Trần Thị T đã nhận lại tài sản, bà T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trịnh Văn T không có yêu cầu bị cáo L bồi thường gì về phần dân sự. Tuy nhiên số tiền bị cáo L thu lợi bất

chính từ việc bán tài sản trộm cắp mà có cần áp dụng Điểm b khoản 1 điều 41 Bộ luật hình sự buộc bị cáo nộp sung quỹ nhà nước.

Về án phí: Bị cáo Đỗ Văn L phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

* **Tuyên bố:** Bị cáo Đỗ Văn L, phạm tội: “Trộm cắp tài sản”.

* **Áp dụng:** Điểm C Khoản 2 Điều 138; Điểm p Khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 51 Bộ luật hình sự năm 1999 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009.

* **Xử phạt:** Bị cáo Đỗ Văn L **2 năm 6 tháng tù**. Tổng hợp hình phạt với bản án số 127/2017/HSST ngày 15/9/2017 của Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Bình Thuận, buộc bị cáo Đỗ Văn L phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai bản án là **5 năm tù**, Thời hạn tù được tính từ ngày 20.6.2017

* **Áp dụng:** Điểm b khoản 1 Điều 41 Bộ luật hình sự; buộc bị cáo Đỗ Văn L phải nộp lại số tiền 1.320.000 đồng sung quỹ Nhà nước.

* **Áp dụng:** Điều 98; Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án

Bị cáo Đỗ Văn L phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, Người bị hại có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Riêng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết công khai tại địa phương.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhân:**

- TAND tỉnh B
- VKSND tỉnh B
- Phòng PC81- CA tỉnh B
- VKSND thị xã L
- THADS thị xã L
- Công an thị xã L
- Những người tham gia tố tụng
- Lưu HS - Lưu Tòa án
- UBND địa phương nơi BC cư trú

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

ĐẶNG THỊ HOA NGÀ